

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/4/2018.

V/v: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Thanh Bình.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 75/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 11/4/2018 giữa các đương sự:

1./ Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thủy T**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: số 26 khu phố Minh An, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Trần Minh Hùng** – Văn phòng Luật sư Trần Minh Hùng, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

(Luật sư có mặt tại phiên tòa).

2./ Bị đơn: Anh **Trần Quốc Đ**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Số 8, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3./ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn N, sinh năm 1965 và bà Trịnh Thị C, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 261 Nguyễn Thị Định, khu phố Thông Chũ, phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Thủy T trình bày như sau:***

Về hôn nhân: Chị T và anh Đ sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2011 và được UBND xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/3/2011. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng thường xuyên bất hòa do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện đã sống ly thân với nhau được gần 01 năm nay nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Giữa chị T và anh Đ có với nhau 02 người con chung là Trần Lê Minh Khôi, sinh năm 2012 và Trần Lê Minh Khoa, sinh năm 2015. Hiện tại cả 02 con đều sống với chị T, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại các cháu đều đang học mẫu giáo tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Trần Quốc Đ trình bày như sau:***

Về hôn nhân: Anh Đ đồng ý với lời trình bày của chị T về quá trình kết hôn cũng như quá trình anh chị chung sống với nhau. Anh Đ và chị T chung sống với nhau nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, từ đó đã sống ly thân với nhau gần 01 năm nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ, thì anh cũng đồng ý vì thấy rằng không còn hàn gắn được.

Về con chung: Giữa anh Đ và chị T có 02 người con chung như chị T trình bày là đúng. Hiện các con đang sống cùng chị T. Ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng các

con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ có điều kiện để chăm sóc các con nhiều hơn chị T. Tại phiên tòa hôm nay phía anh Đ chỉ yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Lê Minh Khôi, sinh năm 2012 còn cháu Trần Lê Minh Khoa, sinh năm 2015 đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N và bà Trịnh Thị C trình bày như sau:***

Chúng tôi là cậu mợ của Lê Thị Thủy T. Chị T có nhờ vợ chồng chúng tôi đưa rước hai cháu Trần Lê Minh Khôi và Trần Lê Minh Khoa dùm vì Thủy T công việc ở xa trường học của các con nên nhờ chúng tôi đưa rước. Sau khi xong việc thì đến chiều đón 02 cháu về chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nay hai vợ chồng chị T và anh Đ ly hôn thì chúng tôi không có ý kiến gì, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: đối với vấn đề hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao hai cháu Trần Lê Minh Khôi và Trần Lê Minh Khoa cho chị Lê Thị Thủy T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bởi lẽ hiện tại hai cháu đang ở cùng với chị T, do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác hai cháu đang học mẫu giáo tại thành phố Rạch Giá, đang có môi trường sống, học tập và vui chơi rất tốt, đủ điều kiện để các cháu phát triển về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Như vậy chứng tỏ phía chị Thủy T đã hoàn thành nghĩa vụ của một người mẹ, chị T hiện tại đang kinh doanh và buôn bán nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, phía anh Đ đã bỏ về xã Sơn Kiên từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc các cháu được đầy đủ. Nếu giao một cháu cho anh Đ nuôi dưỡng thì cũng ảnh hưởng đến môi trường sống của các cháu. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giữ nguyên các cháu cho chị T được nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với tài sản chung và nợ chung: các đương sự đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Lê Thị Thủy T và anh Trần Quốc Đ. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thủy T và anh Trần Quốc Đ là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2011, cấp ngày 21/3/2011. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh Đ phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp với nhau nên thường xuyên cãi vã, bất hòa. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ cũng đồng ý thuận tình ly hôn, nên HĐXX ghi nhận việc này.

Về con chung: Giữa chị T và anh Đ có 02 người con chung là Trần Lê Minh Khôi sinh năm 2012 và Trần Lê Minh Khoa, sinh năm 2015, hiện các con đang sống cùng chị T tại Rạch Giá. Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh Đ anh có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cháu Trần Lê Minh Khôi, sinh năm 2012 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì phải xem xét toàn diện mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần đối với sự phát triển của các cháu sau này. Xét thấy các cháu Trần Lê Minh Khôi và cháu Trần Lê Minh Khoa hiện tại còn rất nhỏ, hiện nay đang được chị T nuôi dưỡng do đó cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ để cháu phát triển tốt về vật chất cũng như tinh thần. Mặt khác hai cháu đang học mẫu giáo tại thành phố Rạch Giá, đang có môi trường sống, học tập và vui chơi rất tốt, đủ điều kiện để các cháu phát triển về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Đồng thời, phía anh Đ

đã bỏ về xã Sơn Kiên từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc các cháu được đầy đủ. Nếu giao một cháu cho anh Đ nuôi dưỡng thì cũng ảnh hưởng đến môi trường sống và học tập, vui chơi giải trí của các cháu. Mặc dù phía anh Đ cho rằng chị T không phải là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Bởi lẽ, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đều thể hiện chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, chị chỉ nhờ cậu mợ đưa rước các cháu đi học. Do đó cần giao các cháu Trần Lê Minh Khôi và cháu Trần Lê Minh Khoa cho chị Lê Thị Thủy T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu nên anh Trần Quốc Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều cam kết là không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Đối với ý kiến của Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí : Chị Lê Thị Thủy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thủy T và anh Trần Quốc Đ.

2/. Về con chung: Giao các cháu tên Trần Lê Minh Khôi, sinh năm 2012 và cháu Trần Lê Minh Khoa, sinh năm 2015 cho chị T được nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Anh Trần Quốc Đ có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

4/. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

5/. Về nợ chung: Không có nên HĐXX miễn xét.

6/. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Thủy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003368 ngày 21/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị T không phải nộp thêm.

7/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An